Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4115.20.00

Mã HS	4115.20.00
Mô tả hàng hóa	Da thuộc tổng hợp với thành phần cơ bản là da thuộc hoặc sợi da thuộc, dạng tấm, tấm mỏng hoặc dạng dải, có hoặc không ở dạng cuộn; da vụn và phế liệu khác từ da thuộc hoặc da tổng hợp, không phù hợp dùng cho sản xuất hàng da; bụi da và các loại bột da / - Da vụn và phế liệu khác từ da thuộc hoặc da tổng hợp, không phù hợp dùng cho sản xuất hàng da; bụi da, các loại bột da
Đơn vị	kg/m/m2
Thời điểm tạo	11/11/2026 12:03:05
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/41152000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6669
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6669
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6669
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ6669
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6476
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6431
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6431
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6431
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6431
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6431
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6431
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E6481
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6481
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6481
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6481

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6481
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6481
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E6479
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F6479
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6479
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6479
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6479
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6479
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6483
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6437
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6439
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6439
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6439
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6439
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6439
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6439
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6459
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6459
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6459
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6459
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6459
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6459
VCFTA	2022	2022	0	VC!D6512
VCFTA	2023	2023	0	VC!E6512
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6512
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6512

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6512
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6512
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6494
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6494
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6494
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6494
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6494
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6494
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D6502
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E6502
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F6502
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G6502
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H6502
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6502
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D6495
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E6495
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F6495
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6495
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6495
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6495
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D6497
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E6497
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F6497
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6497
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6497
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6497

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6461
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6461
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6461
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6461
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6461
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6461
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6461
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6494
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6494
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6494
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6494
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6494
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6494
RCEP B	2022	2022	0	B!D6494
RCEP B	2023	2023	0	B!E6494
RCEP B	2024	2024	0	B!F6494
RCEP B	2025	2025	0	B!G6494
RCEP B	2026	2026	0	B!H6494
RCEP B	2027	2027	0	B!I6494
RCEP C	2022	2022	0	C!D6494
RCEP C	2023	2023	0	C!E6494
RCEP C	2024	2024	0	C!F6494
RCEP C	2025	2025	0	C!G6494
RCEP C	2026	2026	0	C!H6494
RCEP C	2027	2027	0	C!I6494
RCEP D	2022	2022	0	D!D6494

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E6494
RCEP D	2024	2024	0	D!F6494
RCEP D	2025	2025	0	D!G6494
RCEP D	2026	2026	0	D!H6494
RCEP D	2027	2027	0	D!I6494
RCEP E	2022	2022	0	E!D6497
RCEP E	2023	2023	0	E!E6497
RCEP E	2024	2024	0	E!F6497
RCEP E	2025	2025	0	E!G6497
RCEP E	2026	2026	0	E!H6497
RCEP E	2027	2027	0	E!I6497
RCEP F	2022	2022	0	F!D6494
RCEP F	2023	2023	0	F!E6494
RCEP F	2024	2024	0	F!F6494
RCEP F	2025	2025	0	F!G6494
RCEP F	2026	2026	0	F!H6494
RCEP F	2027	2027	0	F!I6494
VIFTA	2024	2024	4,5	VI!F5999
VIFTA	2025	2025	4	VI!G5999
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H5999
VIFTA	2027	2027	3	VI!I5999

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4115.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 4115.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6669), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.